

Số: 08 /2015/TT-BTP

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2015

THÔNG TƯ**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2013/TT-BTP
ngày 03/01/2013 của Bộ Tư pháp hướng dẫn Chế độ báo cáo
thống kê thi hành án dân sự**

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự ngày 14/11/2008 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự ngày 25/11/2014 (sau đây gọi chung là Luật Thi hành án dân sự);

Căn cứ Luật Thống kê ngày 17/6/2003;

Căn cứ Luật Tổ tụng hành chính ngày 24/01/2010;

Căn cứ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13/3/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2013/TT-BTP ngày 03/01/2013 của Bộ Tư pháp hướng dẫn Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự như sau:

Điều 1

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2013/TT-BTP ngày 03/01/2013 của Bộ Tư pháp hướng dẫn Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự.

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 như sau:

“1. Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này hướng dẫn Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự, đơn đốc thi hành án hành chính (sau đây gọi chung là thi hành án dân sự); sử dụng và công bố thông tin; tổ chức thực hiện, kiểm tra, thanh tra, khen thưởng và xử lý vi phạm trong thực hiện Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b và điểm d khoản 2 Điều 2 như sau:

“b) Kết quả thi hành án dân sự tính bằng việc theo yêu cầu thi hành án;

d) Kết quả thi hành án dân sự tính bằng tiền theo yêu cầu thi hành án”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 như sau:

“2. Thời hạn gửi báo cáo thống kê thi hành án dân sự:

a) Chậm nhất trước ngày 02 của kỳ báo cáo kế tiếp, Chấp hành viên gửi báo cáo thống kê kết quả thi hành án của kỳ trước cho Thủ trưởng cơ quan Thi hành án dân sự nơi công tác;

b) Chậm nhất trước ngày 04 của kỳ báo cáo kế tiếp, Chi cục Thi hành án dân sự phải gửi báo cáo thống kê kết quả của kỳ trước của đơn vị mình cho Cục Thi hành án dân sự và các cơ quan nhận báo cáo thống kê theo quy định;

c) Chậm nhất trước ngày 07 của kỳ báo cáo kế tiếp, Cục Thi hành án dân sự phải gửi báo cáo thống kê kết quả của kỳ trước của đơn vị và của toàn tỉnh cho Tổng cục Thi hành án dân sự và các cơ quan nhận báo cáo thống kê theo quy định;

d) Chậm nhất trước ngày 02 của kỳ báo cáo kế tiếp, Chấp hành viên thi hành án dân sự trong quân đội phải gửi báo cáo thống kê kết quả thi hành án của kỳ trước cho Trưởng phòng Thi hành án nơi mình công tác;

đ) Chậm nhất trước ngày 04 của kỳ báo cáo kế tiếp, Phòng Thi hành án cấp quân khu phải gửi báo cáo thống kê thi hành án dân sự kỳ trước của đơn vị mình cho Cục Thi hành án - Bộ Quốc phòng và các cơ quan nhận báo cáo thống kê theo quy định;

e) Chậm nhất trước ngày 07 của kỳ báo cáo kế tiếp, Cục Thi hành án - Bộ Quốc phòng gửi báo cáo thống kê kết quả thi hành án trong quân đội kỳ trước cho Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Bộ trưởng Bộ Tư pháp (Tổng cục Thi hành án dân sự) và các cơ quan nhận báo cáo thống kê theo quy định;

g) Chậm nhất trước ngày 10 của kỳ báo cáo kế tiếp, Tổng cục Thi hành án dân sự phải gửi báo cáo thống kê kết quả thi hành án của kỳ trước cho Bộ trưởng Bộ Tư pháp.”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

“Điều 13. Công bố và phổ biến thông tin thống kê thi hành án dân sự

1. Bộ trưởng Bộ Tư pháp công bố thông tin về số liệu thống kê thi hành án dân sự hoặc ủy quyền cho Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự thực hiện.

2. Hàng tháng, số liệu thống kê thi hành án dân sự của Chi cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Cục Thi hành án dân sự; số liệu thống kê thi hành án dân sự của toàn quốc được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thi hành án dân sự.”

5. Bổ sung khoản 7, khoản 8 Điều 15 như sau:

“7. Ưu tiên đầu tư, ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông và ứng dụng phương pháp thống kê tiên tiến vào hoạt động thống kê thi hành án dân sự; xây dựng phần mềm thống kê, cơ sở dữ liệu điện tử về thống kê thi hành án dân sự.

8. Tổng cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự bố trí công chức, viên chức chuyên trách thực hiện Chế độ thống kê thi hành án dân sự”.

6. Thay thế Phụ lục 1 “Hệ thống biểu mẫu thống kê thi hành án dân sự” và Phụ lục 2 “Hướng dẫn ghi chép biểu mẫu và cách tính một số chỉ tiêu trong báo cáo thống kê thi hành án dân sự” của Thông tư số 01/2013/TT-BTP bằng Phụ lục 1, Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2015.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc cần phản ánh kịp thời về Bộ Tư pháp để nghiên cứu, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Phó Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cơ quan Trung ương của các Đoàn thể;
- HĐND, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Tổng cục Thống kê -Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tư pháp: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc Bộ;
- Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng;
- Công báo;
- Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- Công Thông tin điện tử Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, TCTHADS.

**KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thúy Hiền

Phụ lục 1

HỆ THỐNG BIỂU MẪU THÔNG KÊ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2015/TT-BTP ngày 26/6/2015 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2013/TT-BTP ngày 03/01/2013 của Bộ Tư pháp hướng dẫn Chế độ báo cáo thông kê thi hành án dân sự)

Số TT	Tên biểu mẫu	Ký hiệu biểu mẫu	Thực hiện		
			Chấp hành viên	Chi cục Thi hành án dân sự	Cục Thi hành án dân sự
			1	2	3
1	Kết quả thi hành án dân sự tính bằng việc chủ động thi hành án	01/TK-THA	12 kỳ (từ Kỳ 1 tháng tới Kỳ 12 tháng)	Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng
2	Kết quả thi hành án dân sự tính bằng việc theo yêu cầu thi hành án	02/TK-THA	12 kỳ (từ Kỳ 1 tháng tới Kỳ 12 tháng)	Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng
3	Kết quả thi hành án dân sự tính bằng tiền chủ động thi hành án	03/TK-THA	12 kỳ (từ Kỳ 1 tháng tới Kỳ 12 tháng)	Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng
4	Kết quả thi hành án dân sự tính bằng tiền theo yêu cầu thi hành án	04/TK-THA	12 kỳ (từ Kỳ 1 tháng tới Kỳ 12 tháng)	Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng
5	Kết quả thi hành án dân sự tính bằng tiền thu cho ngân sách Nhà nước, tổ chức, cá nhân được thi hành án	05/TK-THA	Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng
6	Kết quả thi hành án dân sự tính bằng việc chia theo cơ quan Thi hành án và Chấp hành viên	06/TK-THA		12 kỳ (từ Kỳ 1 tháng tới Kỳ 12 tháng)	12 kỳ (từ Kỳ 1 tháng tới Kỳ 12 tháng)
7	Kết quả thi hành án dân sự tính bằng tiền chia theo cơ quan Thi hành án và Chấp hành viên	07/TK-THA		12 kỳ (từ Kỳ 1 tháng tới Kỳ 12 tháng)	12 kỳ (từ Kỳ 1 tháng tới Kỳ 12 tháng)
8	Số việc, số tiền đề nghị Tòa án xét miễn, giảm và kết quả xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án dân sự	08/TK-THA		Kỳ 6 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 6 tháng, Kỳ 12 tháng

Biểu số: 01/TK-THA

Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP

ngày 26 tháng 6 năm 2015

Ngày nhận báo cáo:...../...../.....

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH BẢNG VIỆC

Chủ động thi hành án

..... tháng / năm

Đơn vị báo cáo:

Đơn vị nhận báo cáo:.....

Đơn vị tính: Việc

Tên chỉ tiêu	Tổng số	Chia theo bản án, quyết định:											
		Dân sự	Hình sự				Hành chính	Hôn nhân và gia đình	Kinh doanh, thương mại	Lao động	Phá sản	Trọng tài	Việc khác
			Tổng số	Chia ra:									
				Ma tuý	Khác								
A	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
1	Tổng số thụ lý												
1	Năm trước chuyển sang												
2	Mới thụ lý												
II	Ủy thác thi hành án												
III	Cục THADS rút lên thi hành												
IV	Tổng số phải thi hành												
1	Có điều kiện thi hành												
1.1	Thi hành xong												
1.2	Đình chỉ thi hành án												
1.3	Đang thi hành												
1.4	Hoãn thi hành án												
1.5	Tạm đình chỉ thi hành án												
1.6	Tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại												
1.7	Trường hợp khác												
2	Chưa có điều kiện thi hành												
3	Tỷ lệ % = (Xong+đình chỉ)/Có điều kiện *100%												

**PHÂN TÍCH MỘT SỐ CHỈ TIÊU
VIỆC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CHỦ ĐỘNG**

Chỉ tiêu	Số lượng (việc)
A	1
1 Số hoãn thi hành án (Điều 48 Luật Thi hành án dân sự)	
1.1 Theo điểm a khoản 1	
1.2 Theo điểm b khoản 1	
1.3 Theo điểm d khoản 1	
1.4 Theo điểm đ khoản 1	
1.5 Theo điểm e khoản 1	
1.6 Theo điểm g khoản 1	
2 Số tạm đình chỉ thi hành án (Điều 49 Luật Thi hành án dân sự)	
2.1 Theo khoản 1	
2.2 Theo khoản 2	
3 Trường hợp khác	
3.1 Đang trong thời gian tự nguyện thi hành án	
3.2 Đang trong thời gian chờ ý kiến chỉ đạo nghiệp vụ của cơ quan có thẩm quyền	
3.3 Đang trong thời gian chờ ý kiến Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự	
4 Số đình chỉ thi hành án (Điều 50 Luật Thi hành án dân sự)	
4.1 Theo điểm a khoản 1	
4.2 Theo điểm b khoản 1	
4.3 Theo điểm d khoản 1	
4.4 Theo điểm đ khoản 1	
4.5 Theo điểm e khoản 1	
4.6 Theo điểm g khoản 1	
5 Số chưa có điều kiện thi hành (Điều 44a Luật Thi hành án dân sự)	
5.1 Theo điểm a khoản 1	
5.2 Theo điểm b khoản 1	
5.3 Theo điểm c khoản 1	

.....,ngày.....tháng.....năm

NGƯỜI LẬP BIỂU

(ký, họ tên)

.....,ngày.....tháng.....năm.....

CỤC TRƯỞNG (CHI CỤC TRƯỞNG)

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 02/TK-THA

Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP

ngày 26 tháng 6 năm 2015

Ngày nhận báo cáo:...../...../.....

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG VIỆC

Theo yêu cầu thi hành án

..... tháng / năm

Đơn vị báo cáo:

Đơn vị nhận báo cáo:.....

Đơn vị tính: Việc

Tên chỉ tiêu	Tổng số	Chia theo bản án, quyết định:											
		Dân sự	Hình sự		Hành chính	Hôn nhân và gia đình	Kinh doanh, thương mại	Lao động	Phá sản	Trọng tài	Việc cạnh tranh	Việc khác	
			Tổng số	Chia ra:									
A	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I	Tổng số thụ lý												
1	Năm trước chuyển sang												
2	Mới thụ lý												
II	Ủy thác thi hành án												
III	Cục THADS rút lên thi hành												
IV	Tổng số phải thi hành												
1	Có điều kiện thi hành												
1.1	Thi hành xong												
1.2	Đình chỉ thi hành án												
1.3	Đang thi hành												
1.4	Hoãn thi hành án												
1.5	Tạm đình chỉ thi hành án												
1.6	Tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại												
1.7	Trường hợp khác												
2	Chưa có điều kiện thi hành												
3	Tỷ lệ % = (Xong+đình chỉ)/Có điều kiện * 100%												

**PHÂN TÍCH MỘT SỐ CHỈ TIÊU
VIỆC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ THEO YÊU CẦU**

Chỉ tiêu	Số lượng (việc)
A	I
1 Số hoàn thi hành án (Điều 48 Luật Thi hành án dân sự)	
1.1 Theo điểm a khoản 1	
1.2 Theo điểm b khoản 1	
1.3 Theo điểm c khoản 1	
1.4 Theo điểm d khoản 1	
1.5 Theo điểm đ khoản 1	
1.6 Theo điểm e khoản 1	
1.7 Theo điểm g khoản 1	
1.8 Theo điểm h khoản 1	
2 Số tạm đình chỉ thi hành án (Điều 49 Luật Thi hành án dân sự)	
2.1 Theo khoản 1	
2.2 Theo khoản 2	
3 Trường hợp khác	
3.1 Đang trong thời gian tự nguyện thi hành án	
3.2 Đang trong thời gian chờ ý kiến chỉ đạo nghiệp vụ của cơ quan có thẩm quyền	
3.3 Đang trong thời gian chờ ý kiến Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự	
4 Số đình chỉ thi hành án (Điều 50 Luật Thi hành án dân sự)	
4.1 Theo điểm a khoản 1	
4.2 Theo điểm b khoản 1	
4.3 Theo điểm c khoản 1	
4.4 Theo điểm d khoản 1	
4.5 Theo điểm đ khoản 1	
4.6 Theo điểm g khoản 1	
4.7 Theo điểm h khoản 1	
5 Số chưa có điều kiện thi hành (Điều 44a Luật Thi hành án dân sự)	
5.1 Theo điểm a khoản 1	
5.2 Theo điểm b khoản 1	
5.3 Theo điểm c khoản 1	

....., ngày.... tháng.....năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU

(ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày.....tháng.....năm.....

CỤC TRƯỞNG (CHI CỤC TRƯỞNG)

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số: 03/TK-THA

Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP

ngày 26 tháng 6 năm 2015

Ngày nhận báo cáo:...../...../.....

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG TIỀN

Chủ động thi hành án

..... tháng / năm

Đơn vị báo cáo:

Đơn vị nhận báo cáo:

Đơn vị tính: 1.000 VN đồng

Tên chỉ tiêu	Tổng số	Chia theo bản án quyết định:										
		Dân sự	Dân sự trong hình sự		Dân sự trong hành chính	Hôn nhân và gia đình	Kinh doanh và thương mại	Lao động	Phá sản	Trọng tài	Việc khác	
			Tổng số	Ma túy								Khác
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I	Tổng số thụ lý											
1	Năm trước chuyển sang											
2	Mới thụ lý											
II	Ủy thác thi hành án											
III	Cục THADS rút lên thi hành											
IV	Tổng số phải thi hành											
I	Có điều kiện thi hành											
1.1	Thi hành xong											
1.2	Đình chỉ thi hành án											
1.3	Giảm thi hành án											
1.4	Đang thi hành											
1.5	Hoãn thi hành án											
1.6	Tạm đình chỉ thi hành án											
1.7	Tạm đình chỉ thi hành án để giải quyết khiếu nại											
1.8	Trường hợp khác											
2	Chưa có điều kiện thi hành											
7	Tỷ lệ % = (Xong+đình chỉ + giảm)/Có điều kiện *100%											

Biểu số: 04/TK-THA

Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP

ngày 26 tháng 6 năm 2015

Ngày nhận báo cáo:...../...../.....

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG TIỀN

Theo yêu cầu thi hành án

..... tháng / năm

Đơn vị báo cáo:

Đơn vị nhận báo cáo:.....

Đơn vị tính: 1.000 VN đồng

Tên chỉ tiêu	Tổng số	Chia theo bản án, quyết định:												
		Dân sự	Hình sự		Hành chính	Hôn nhân và gia đình	Kinh doanh và thương mại	Lao động	Phá sản	Trọng tài	Vụ việc cạnh tranh	Việc khác		
			Tổng số	Chia ra:										
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
I	Tổng số thụ lý													
1	Năm trước chuyển sang													
2	Mới thụ lý													
II	Ủy thác thi hành án													
III	Cục THADS rút lên thi hành													
IV	Tổng số phải thi hành													
1	Có điều kiện thi hành													
1.1	Thi hành xong													
1.2	Đình chỉ thi hành án													
1.3	Đang thi hành													
1.4	Hoãn thi hành án													
1.5	Tạm đình chỉ thi hành án													
1.6	Tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại													
1.7	Trường hợp khác													
2	Chưa có điều kiện thi hành													
7	Tỷ lệ % = (Xong+đình chỉ)/Có điều kiện *100%													

**PHÂN TÍCH MỘT SỐ CHỈ TIÊU
TIỀN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ THEO YÊU CẦU**

Chỉ tiêu	Số lượng (1.000 VN đồng)
A	I
1 Số hoãn thi hành án (Điều 48 Luật Thi hành án dân sự)	
1.1 Theo điểm a khoản 1	
1.2 Theo điểm b khoản 1	
1.3 Theo điểm c khoản 1	
1.4 Theo điểm d khoản 1	
1.5 Theo điểm đ khoản 1	
1.6 Theo điểm e khoản 1	
1.7 Theo điểm g khoản 1	
1.8 Theo điểm h khoản 1	
2 Số tạm đình chỉ thi hành án (Điều 49 Luật Thi hành án dân sự)	
2.1 Theo khoản 1	
2.2 Theo khoản 2	
3 Trường hợp khác	
3.1 Đang trong thời gian tự nguyện thi hành án	
3.2 Đang trong thời gian chờ ý kiến chỉ đạo nghiệp vụ của cơ quan có thẩm quyền	
3.3 Đang trong thời gian chờ ý kiến Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự	
4 Số đình chỉ thi hành án (Điều 50 Luật Thi hành án dân sự)	
4.1 Theo điểm a khoản 1	
4.2 Theo điểm b khoản 1	
4.3 Theo điểm c khoản 1	
4.4 Theo điểm d khoản 1	
4.5 Theo điểm đ khoản 1	
4.6 Theo điểm g khoản 1	
4.7 Theo điểm h khoản 1	
5 Số chưa có điều kiện thi hành (Điều 44a Luật Thi hành án dân sự)	
5.1 Theo điểm a khoản 1	
5.2 Theo điểm b khoản 1	
5.3 Theo điểm c khoản 1	

....., ngày.... tháng.....năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU

(ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày.....tháng.....năm.....

CỤC TRƯỞNG (CHỊ CỤC TRƯỞNG)

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số: 05/TK-THA

Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP

ngày 26 tháng 6 năm 2015

Ngày nhận báo cáo:...../...../.....

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG TIỀN
Thu cho Ngân sách nhà nước, tổ chức, cá nhân được thi hành án
.....tháng/năm

Đơn vị báo cáo:

Đơn vị nhận báo cáo:.....

Đơn vị tính: 1.000 VN đồng

Tên chỉ tiêu	Tổng số	Chia theo đối tượng được thi hành án									
		Thu cho Ngân sách nhà nước							Thu cho tổ chức cơ quan, tổ chức	Thu cho cá nhân	
		Tổng số	Chia ra:								
			Án phí	Lệ phí	Phạt	Tịch thu	Truy thu	Thu khác			
A	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
I	Tổng số thụ lý										
i	Năm trước chuyển sang										
2	Mới thụ lý										
II	Ủy thác thi hành án										
III	Cục THADS rút lên thi hành										
IV	Tổng số phải thi hành										
1	Có điều kiện thi hành										
1.1	Thi hành xong										
1.2	Đình chỉ thi hành án										
1.3	Giảm thi hành án										
1.4	Đang thi hành										
1.5	Hoãn thi hành án										
1.6	Tạm đình chỉ thi hành án										
1.7	Tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại										
1.8	Trường hợp khác										
2	Chưa có điều kiện thi hành										
7	Tỷ lệ % = (Xong+đình chỉ + giảm)/Có điều kiện * 100%										

....., ngày..... tháng..... năm

NGƯỜI LẬP BIỂU

(ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm

CỤC TRƯỞNG (CHI CỤC TRƯỞNG)

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 06/TK-THA

Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP

ngày 26 tháng 6 năm 2015

Ngày nhận báo cáo:...../...../.....

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG VIỆC CHIA THEO CƠ QUAN THI HÀNH ÁN VÀ CHẤP HÀNH VIÊN

.....tháng/năm

Đơn vị báo cáo.....*

Đơn vị nhận báo cáo.....

.....

Đơn vị tính: Việc

Tên đơn vị	Tổng số thụ lý			Uy thác thi hành án	Cơ quan THADS rút lên thi hành	Tổng số phải thi hành										Chưa có điều kiện hành	Tổng số chuyển kỳ sau	Tỷ lệ (%) (xong + đình chỉ)/ Có điều kiện * 100%
	Tổng số	Chia ra:				Tổng số	Có điều kiện thi hành								Tổng số			
		Năm trước chuyển sang	Mới thụ lý				Tổng số	Chia ra:										
								Thi hành xong	Đình chỉ thi hành án	Đang thi hành	Hoãn thi hành án	Tạm đình chỉ thi hành án	Tạm dừng THA để GQKN	Trường hợp khác				
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
Tổng số																		
I Cục Thi hành án DS																		
1 Chấp hành viên ...																		
2 Chấp hành viên ...																		
... ..																		
II Các Chi cục THADS																		
1 Chi cục THA ...																		
1.1 Chấp hành viên ...																		
1.2 Chấp hành viên...																		
... ..																		
2 Chi cục THA...																		
2.1 Chấp hành viên ...																		
2.2 Chấp hành viên...																		
... ..																		
3 Chi cục THA...																		
... ..																		

....., ngày... thángnăm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU

(ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm

CỤC TRƯỞNG (CHI CỤC TRƯỞNG)

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 07/TK-THA

Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP

ngày 26 tháng 6 năm 2015

Ngày nhận báo cáo:...../...../.....

**KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG TIỀN
CHIA THEO CƠ QUAN THI HÀNH ÁN VÀ CHẤP HÀNH VIÊN**
.....tháng/năm

Đơn vị báo cáo.....

Đơn vị nhận báo cáo.....

Đơn vị tính: 1.000 VN đồng

Tên đơn vị	Tổng số thụ lý			Ủy thác thi hành án	Cục THADS rút lên thi hành	Tổng số phải thi hành											Chưa có điều kiện hành	Tổng số chuyển ký sau	Tỷ lệ: (% (xong + đình chí+ giảm) Có điều kiện * 100%
	Tổng số	Chia ra:				Tổng số	Có điều kiện thi hành								Tổng số				
		Năm trước chuyển sung	Mới thụ lý				Tổng số	Chia ra:											
								Thi hành xong	Đình chí thi hành án	Giảm thi hành án	Đang thi hành	Hoàn thi hành án	Tạm đình chí thi hành án	Tạm đứng THA để GQKN		Trường hợp khác			
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
Tổng số																			
1 Cục Thi hành án DS																			
1 Chấp hành viên ...																			
2 Chấp hành viên ...																			
... ..																			
II Các Chi cục THADS																			
1 Chi cục THA ...																			
1.1 Chấp hành viên ...																			
1.2 Chấp hành viên...																			
... ..																			
2 Chi cục THA...																			
2.1 Chấp hành viên ...																			
2.2 Chấp hành viên...																			
... ..																			
3 Chi cục THA...																			
... ..																			

....., ngày... thángnăm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(ký, họ tên)

.....ngày..... tháng..... năm

CỤC TRƯỞNG (CHI CỤC TRƯỞNG)

Biểu số: 08/TK-THA
 Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP
 ngày 26 tháng 6 năm 2015
 Ngày nhận báo cáo:.....

**SỐ VIỆC, SỐ TIỀN ĐỀ NGHỊ TÒA ÁN XÉT
 MIỄN, GIẢM VÀ KẾT QUẢ XÉT MIỄN, GIẢM NGHĨA VỤ
 THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

Đơn vị gửi báo cáo.....

 Đơn vị nhận báo cáo.....

 Đơn vị tính: Việc và 1.000VN đồng

..... Tháng/năm.....

Tên đơn vị	Tổng số việc và số tiền đã đề nghị Tòa án xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án dân sự				Chia ra:							
					Số việc và tiền đã đề nghị Tòa án xét miễn nghĩa vụ thi hành án dân sự và kết quả xét miễn				Số việc và tiền đã đề nghị Tòa án xét giảm nghĩa vụ thi hành án dân sự và kết quả xét giảm			
	Tổng số đã đề nghị xét miễn, giảm		Tổng số đã xét miễn, giảm		Số đã đề nghị xét miễn		Số đã xét miễn		Số đã đề nghị giảm		Số đã giảm	
	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Tổng số												
I Cục Thi hành án DS												
II Các Chi cục THADS												
1 Chi cục Thi hành án...												
2 Chi cục Thi hành án...												
3 Chi cục Thi hành án...												
...												

....., ngày... thángnăm

NGƯỜI LẬP BIỂU

(ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm

CỤC TRƯỞNG (CHI CỤC TRƯỞNG)

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 09/TK-THA

Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP

ngày 26 tháng 6 năm 2015

Ngày nhận báo cáo.....

**SỞ VIỆC, SỞ TIỀN TRONG CÁC BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH
TÒA ÁN TUYÊN KHÔNG RÕ, CÓ SAI SÓT, CƠ QUAN
THI HÀNH ÁN ĐÃ YÊU CẦU GIẢI THÍCH, KIẾN NGHỊ
VÀ KẾT QUẢ TRẢ LỜI CỦA TÒA ÁN CÓ THẨM QUYỀN**

.....tháng/năm.....

Đơn vị gửi báo cáo.....

Đơn vị nhận báo cáo.....

.....

Đơn vị tính Việc và 1.000 VN đồng

Tên đơn vị	Số việc, tiền trong bản án, quyết định tuyên không rõ, có sai sót, cơ quan Thi hành án đã có văn bản yêu cầu đính chính, giải thích và kết quả trả lời của cơ quan có thẩm quyền								Số việc, tiền cơ quan thi hành án kiến nghị cơ quan có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm và kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền					
	Số việc				Số tiền				Số việc			Số tiền		
	Tổng số việc đã yêu cầu đính chính, giải thích	Kết quả trả lời của cơ quan có thẩm quyền			Tổng số tiền đã yêu cầu đính chính, giải thích	Kết quả trả lời của cơ quan có thẩm quyền			Tổng số	Kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền		Số tiền trong các bản án, quyết định có căn cứ giám đốc thẩm, tái thẩm	Kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền	
		Số đã trả lời	Số trả lời chưa rõ	Số chưa trả lời		Số đã trả lời	Số trả lời chưa rõ	Số chưa trả lời		Số đã kháng nghị	Số chưa kháng nghị		Số đã kháng nghị	Số chưa kháng nghị
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Tổng số														
I	Cục Thi hành án DS													
II	Các Chi cục THADS													
1	Chi cục Thi hành án...													
2	Chi cục Thi hành án...													
3	Chi cục Thi hành án...													
...	...													

....., ngày...tháng...năm

NGƯỜI LẬP BIỂU

(ký, họ tên)

.....ngày... tháng.....năm.....

CỤC TRƯỞNG (CHI CỤC TRƯỞNG)

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 10/TK-THA
 Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP
 ngày 26 tháng 6 năm 2015
 Ngày nhận báo cáo:.....

SỐ VIỆC CƯỜNG CHẾ THI HÀNH ÁN
tháng/năm.....

Đơn vị gửi báo cáo:.....

 Đơn vị nhận báo cáo:.....

 Đơn vị tính: Việc

Tên đơn vị	Tổng số việc	Chia ra:						Kết quả cưỡng chế			
		Số việc cưỡng chế không huy động lực lượng	Số việc cưỡng chế có huy động lực lượng				Số việc đương sự tự nguyện thi hành trước khi cưỡng chế				Số việc cưỡng chế thành công
			Tổng số việc cưỡng chế có huy động lực lượng	Chia ra:							
				Số việc huy động lực lượng dưới 10 người	Số việc huy động lực lượng từ 10 đến dưới 20 người	Số việc huy động lực lượng từ 20 đến dưới 50 người		Số việc huy động lực lượng từ 50 người trở lên	8	9	
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
Tổng số											
I	Cục Thi hành án DS										
II	Các Chi cục THADS										
1	Chi cục THADS...										
2	Chi cục THADS...										
3	Chi cục THADS...										
...	...										

....., ngày...tháng...năm

NGƯỜI LẬP BIỂU
 (ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm

CỤC TRƯỞNG (CHI CỤC TRƯỞNG)
 (ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 11/TK-THA
 Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP
 ngày 26 tháng 6 năm 2015
 Ngày nhận báo cáo:.....

KHIẾU NẠI VÀ GIẢI QUYẾT
KHIẾU NẠI TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
tháng/năm

Đơn vị gửi báo cáo.....

 Đơn vị nhận báo cáo.....

Đơn vị tính: Việc, Đơn

Tên đơn vị	Tổng số đơn tiếp nhận (Đơn)			Số việc tiếp nhận (Việc)										Kết quả giải quyết số việc thuộc thẩm quyền (Việc)					
				Chia theo thời điểm thụ lý			Chia theo thẩm quyền giải quyết							Tổng số	Chia ra:				
	Số việc thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan THADS						Số việc thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan khác				Số đình chỉ	Số khiếu nại đúng toàn bộ	Số khiếu nại đúng một phần		Số khiếu nại sai toàn bộ	Số chưa giải quyết chuyển kỳ sau			
				Số KN hành vi và QĐ của Chấp hành viên	Số KN hành vi và QĐ của Thủ trưởng cơ quan THA	Số chuyển cơ quan có thẩm quyền khác giải quyết	Số chuyển cơ quan THA cấp dưới trực tiếp giải quyết	Số chưa chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết											
Tổng số	Số năm trước chuyển sang	Số mới nhận	Tổng số						Số năm trước chuyển sang	Số mới nhận	Tổng số	Số KN hành vi và QĐ của Chấp hành viên	Số KN hành vi và QĐ của Thủ trưởng cơ quan THA	Tổng số	Số chuyển cơ quan có thẩm quyền khác giải quyết	Số chuyển cơ quan THA cấp dưới trực tiếp giải quyết	Số chưa chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết	Tổng số	Số đình chỉ
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
Tổng số																			
I Cục Thi hành án DS																			
II Các Chi cục THADS																			
1 Chi cục THADS...																			
2 Chi cục THADS...																			
...																			

....., ngày.....tháng năm

NGƯỜI LẬP BIỂU
 (ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm

CỤC TRƯỞNG (CHI CỤC TRƯỞNG)
 (ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 12/TK-THA
 Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP
 ngày 26 tháng 6 năm 2015
 Ngày nhận báo cáo:.....

TỜ CÁO VÀ GIẢI QUYẾT
TỜ CÁO TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
tháng/năm

Đơn vị gửi báo cáo.....

 Đơn vị nhận báo cáo.....

 Đơn vị tính: Việc và Đơn

Tên đơn vị	Tổng số đơn tiếp nhận (Đơn)			Số việc tiếp nhận (Việc)									Kết quả giải quyết số việc thuộc thẩm quyền (Việc)						
				Chia theo thời điểm thụ lý			Chia theo thẩm quyền giải quyết						Chia ra:						
	Số việc thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan THADS						Số việc thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan khác			Số định chỉ	Số tờ cáo đúng toàn bộ	Số tờ cáo đúng một phần						Số tờ cáo sai toàn bộ	Số tờ cáo chưa giải quyết chuyển ký sau
				Số việc hành vi và quyết định của Thủ trưởng cơ quan THA		Số hướng dẫn và chuyển cơ quan Thi hành án cấp đời trực tiếp giải quyết							Số chưa chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết						
Tổng số đơn tiếp nhận	Số đơn năm trước chuyển sang	Số đơn mới nhận	Tổng số việc	Số việc năm trước chuyển sang	Số việc mới nhận		Tổng số việc	Số việc hành vi và quyết định của CHV	Số việc hành vi và quyết định của Thủ trưởng cơ quan THA	Tổng số việc	Số hướng dẫn và chuyển cơ quan Thi hành án cấp đời trực tiếp giải quyết	Số chưa chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết		Tổng số	Số định chỉ	Số tờ cáo đúng toàn bộ	Số tờ cáo đúng một phần	Số tờ cáo sai toàn bộ	Số tờ cáo chưa giải quyết chuyển ký sau
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
Tổng số																			
I	Cục Thi hành án DS																		
II	Các Chi cục THADS																		
1	Chi cục THADS...																		
2	Chi cục THADS...																		
3	Chi cục THADS...																		
...	...																		

....., ngày.....tháng năm

NGƯỜI LẬP BIỂU
(ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm

CỤC TRƯỞNG (CHI CỤC TRƯỞNG)
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 13/TK-THA
 Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP
 ngày 26 tháng 6 năm 2015
 Ngày nhận báo cáo:.....

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU BIÊN CHẾ
 VÀ CƠ CẤU CÔNG CHỨC CỦA CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN
 SỰ**
tháng/năm

Đơn vị gửi báo cáo.....

 Đơn vị nhận báo cáo.....

Đơn vị tính: Người

Tên đơn vị	Số biên chế được giao	Số biên chế đã thực hiện																Số biên chế chưa thực hiện	
		Tổng số	Chấp hành viên trong đó:			Thẩm tra viên trong đó:			Thư ký THA trong đó:			Chuyên viên trong đó:			Cán sự và tương đương	Kế toán	Thông kê viên		Công chức khác
			Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	TTr VCC	TTrVC	TTr viên	Trung cấp	Thư ký	CV CC	CVC	CV						
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
Tổng số																			
I	Cục Thi hành án DS																		
II	Các Chi cục THADS																		
1	Chi cục THADS...																		
2	Chi cục THADS...																		
3	Chi cục THADS...																		
...	...																		

....., ngày.....tháng năm
NGƯỜI LẬP BIỂU
 (ký, họ tên)

....., ngày.....tháng năm
CỤC TRƯỞNG
 (ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 14/TK-THA
 Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP
 ngày 26 tháng 6 năm 2015
 Ngày nhận báo cáo:.....

**TRÌNH ĐỘ CÔNG CHỨC
 CỦA CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**
tháng/năm

Đơn vị gửi báo cáo.....

 Đơn vị nhận báo cáo.....

Đơn vị tính: Người

Tên đơn vị	Tổng số	Chia theo trình độ chuyên môn							Chia theo số được đào tạo, bồi dưỡng về nghề, chính trị, quản lý nhà nước									
		Chia ra:							Quản lý NN trong đó:			Chính trị trong đó:			Chấp hành viên	Thẩm tra viên	Thu ký	Khác
		Số công chức trên đại học		Số công chức đại học		Số công chức trung cấp		Số công chức khác										
		Ngành Luật	Ngành khác	Ngành Luật	Ngành khác	Ngành Luật	Ngành khác		CC	CVC	CV	CC	TC	SC				
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Tổng cộng																		
I Cục Thi hành án DS																		
II Các Chi cục THADS																		
1 Chi cục THADS...																		
2 Chi cục THADS...																		
3 Chi cục THADS...																		
... ..																		

....., ngày.....tháng năm
NGƯỜI LẬP BIỂU
 (ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm
CỤC TRƯỞNG
 (ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 15/TK-THA

Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP

ngày 26 tháng 6 năm 2015

Ngày nhận báo cáo:.....

**SỐ CUỘC GIÁM SÁT VÀ KẾT QUẢ
THỰC HIỆN KẾT LUẬN GIÁM SÁT**

.....tháng/năm

Đơn vị gửi báo cáo.....

Đơn vị nhận báo cáo.....

Đơn vị tính: Cuộc giám sát

Tên đơn vị	Tổng số	Chia theo cơ quan tiến hành giám sát				Chia theo kết quả giám sát		Kết quả thực hiện kết luận giám sát		
		Quốc hội	Hội đồng nhân dân	Mặt trận Tổ quốc	Cơ quan khác	Số cuộc giám sát đã có kết luận	Số cuộc giám sát chưa có kết luận	Kết luận đúng và thực hiện	Kết luận đúng một phần, đã thực hiện và giải trình	Giải trình toàn bộ kết luận
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Tổng cộng										
I	Cục Thi hành án dân sự									
II	Các Chi cục THADS									
1	Chi cục THADS...									
2	Chi cục THADS...									
3	Chi cục THADS...									
...	...									

....., ngày.....tháng năm

NGƯỜI LẬP BIỂU

(ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm

CỤC TRƯỞNG (CHI CỤC TRƯỞNG)

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 16/TK-THA
 Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP
 ngày 26 tháng 6 năm 2015
 Ngày nhận báo cáo:.....

**SỐ CUỘC KIỂM SÁT
 VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN KIỂM SÁT**
tháng/năm

Đơn vị gửi báo cáo.....

 Đơn vị nhận báo cáo.....

Đơn vị tính: Cuộc kiểm sát

Tên đơn vị	Tổng số	Chia theo cơ quan kiểm sát				Tổng số	Chia theo kết quả kiểm sát					
		Chia ra:					Chia ra:					
		Viện KSND tối cao	Viện KSND cấp cao	Viện KSND cấp tỉnh	Viện KSND cấp huyện		Số kháng nghị đúng được cơ quan THA chấp nhận	Số kháng nghị không đúng không được cơ quan THA chấp nhận	Số kháng nghị có đúng và không đúng được cơ quan THA chấp nhận một phần	Số không có kháng nghị	Số có văn bản kiến nghị	
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
Tổng số												
I	Cục Thi hành án DS											
II	Các Chi cục THADS											
1	Chi cục THADS...											
2	Chi cục THADS...											
3	Chi cục THADS...											
...	...											

....., ngày.....tháng
NGƯỜI LẬP BIỂU
 (ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm

CỤC TRƯỞNG (CHI CỤC TRƯỞNG)
 (ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 17/TK-THA

Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP

ngày 26 tháng 6 năm 2015

Ngày nhận báo cáo:.....

**SỞ VIỆC, SỞ TIỀN TRONG CÁC BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH CÓ
KHÁNG NGHỊ VÀ KẾT QUẢ XỬ LÝ KHÁNG NGHỊ
CỦA TOÀ ÁN VÀ VIỆN KIỂM SÁT**

.....tháng/năm

Đơn vị gửi báo cáo.....

Đơn vị nhận báo cáo.....

Đơn vị tính: Việc và 1.000 VN đồng

Tên đơn vị	Tổng số		Chia ra:																
	Số việc có kháng nghị	Số tiền có kháng nghị	Số việc và số tiền do Tòa án kháng nghị								Số việc và số tiền do Viện kiểm sát kháng nghị								
			Số việc và số tiền có kháng nghị		Số việc và số tiền có kháng nghị đã được giải quyết						Số việc và số tiền có kháng nghị		Số việc và số tiền có kháng nghị đã được giải quyết						
			Số việc	Số tiền	Chấp nhận toàn bộ		Chấp nhận một phần		Không chấp nhận		Số việc	Số tiền	Chấp nhận toàn bộ		Chấp nhận một phần		Không chấp nhận		
					Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền			Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
Tổng số																			
I Cục Thi hành án DS																			
II Các Chi cục THADS																			
1 Chi cục THADS...																			
2 Chi cục THADS...																			
3 Chi cục THADS...																			
....																			

....., ngày tháng.... năm

NGƯỜI LẬP BIỂU

(ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm

CỤC TRƯỞNG (CHI CỤC TRƯỞNG)

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 18/TK-THA

Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP

ngày 26 tháng 6 năm 2015

Ngày nhận báo cáo:.....

SỐ VIỆC, SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC

TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

....tháng/năm.....

Đơn vị gửi báo cáo.....

Đơn vị nhận báo cáo.....

Đơn vị tính: Việc và 1.000 VN đồng

Tên đơn vị	Số việc và số tiền bồi thường của Nhà nước trong THADS được thụ lý						Kết quả giải quyết			
	Tổng số		Chia ra:				Số việc, số tiền đã xét bồi thường		Số việc, số tiền chưa xét bồi thường	
			Số năm trước chuyển sang		Số thụ lý mới					
Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Tổng số										
I	Cục Thi hành án DS									
II	Các Chi cục THADS									
i	Chi cục THADS...									
2	Chi cục THADS...									
3	Chi cục THADS...									
...	...									

....., ngày tháng.... năm

NGƯỜI LẬP BIỂU

(ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm

CỤC TRƯỞNG (CHI CỤC TRƯỞNG)

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 19/TK-THA
 Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP
 ngày 26 tháng 6 năm 2015
 Ngày nhận báo cáo:.....

SỐ VIỆC ĐƠN ĐỐC THI HÀNH ÁN HÀNH CHÍNH
tháng/năm

Đơn vị báo cáo:

 Đơn vị nhận báo cáo:.....

 Đơn vị tính: Việc

Tên đơn vị	Số việc phải đơn đốc thi hành án hành chính đã nhận			Kết quả đơn đốc thi hành án hành chính			Số văn bản thông báo kết quả thi hành án nhận được	
	Tổng số	Chia ra:		Tổng số	Chia ra:			
		Số việc năm trước chuyển sang	Số việc mới thụ lý		Số việc thi hành xong	Số việc chưa thi hành xong		
A	1	2	3	4	5	6	7	8
Tổng Số								
I	Cục Thi hành án dân sự							
II	Các Chi cục THADS							
1	Chi cục THADS...							
2	Chi cục THADS...							
3	Chi cục THADS...							
...	...							

....., ngày.....tháng năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
 (ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm

CỤC TRƯỞNG (CHI CỤC TRƯỞNG)
 (ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2015/TT-BTP ngày 26/6/2015 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2013/TT-BTP ngày 03/01/2013 của Bộ Tư pháp hướng dẫn Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự)

HƯỚNG DẪN GHI CHÉP BIỂU MẪU VÀ CÁCH TÍNH MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO THỐNG KÊ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Phần 1

GHI CHÉP BIỂU MẪU

Để đảm bảo số liệu trong báo cáo thống kê phản ánh chính xác, khách quan, đầy đủ và kịp thời hoạt động thi hành án dân sự, Chấp hành viên, các cơ quan Thi hành án dân sự cần tuân thủ một số vấn đề sau:

I. GIẢI THÍCH MỘT SỐ TỪ NGỮ VÀ CÁCH TÍNH

1. Việc thi hành án dân sự

- a) Mỗi quyết định thi hành án được tính là một việc;
- b) Mỗi việc thi hành án hành chính có văn bản đơn đốc thi hành được tính là một việc.

2. Việc cưỡng chế

Mỗi quyết định cưỡng chế thi hành án được tính là một việc cưỡng chế.

3. Việc khiếu nại, tố cáo

Mỗi trường hợp khiếu nại, tố cáo (một hoặc nhiều đơn nhưng trùng lặp nội dung) được thụ lý được tính là một việc khiếu nại, tố cáo.

4. Cuộc giám sát, kiểm sát

Mỗi quyết định, thông báo giám sát, kiểm sát của cơ quan có thẩm quyền được tính là một cuộc giám sát, kiểm sát.

5. Đơn vị tính giá trị kết quả thi hành án là 1.000 VN đồng (một nghìn đồng Việt Nam).

Trường hợp một việc thi hành án có một hoặc nhiều tài sản phải tiêu hủy, tài sản không có giá trị hoặc tài sản, việc thi hành án không tính được bằng tiền thì toàn bộ tài sản, việc thi hành đó khi thống kê được tính là 1.000 VN đồng.

6. Việc bồi thường của Nhà nước

Mỗi quyết định thụ lý được tính là một việc bồi thường của Nhà nước.

7. Biên chế, tính bằng người.

8. Việc có điều kiện thi hành là trường hợp người phải thi hành án có tài sản, thu nhập để thi hành nghĩa vụ về tài sản; tự mình hoặc thông qua người khác thực hiện nghĩa vụ thi hành án, gồm: Thi hành xong, đình chỉ thi hành án, đang thi hành án, hoãn thi hành án, tạm đình chỉ thi hành án, tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại và trường hợp khác.

9. Việc chưa có điều kiện thi hành là trường hợp Thủ trưởng cơ quan Thi hành án dân sự ra quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án theo quy định tại Điều 44a của Luật Thi hành án dân sự.

Trường hợp việc thi hành án có điều kiện thi hành một phần, phần còn lại chưa có điều kiện thi hành và Thủ trưởng cơ quan Thi hành án dân sự đã ra quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án thì xác định là việc thi hành án chưa có điều kiện thi hành và thống kê là một việc chưa có điều kiện thi hành.

10. Việc thi hành xong

Việc thi hành xong là việc Chấp hành viên đã thi hành xong hoặc đình chỉ thi hành án toàn bộ các quyền, nghĩa vụ trong quyết định thi hành án hoặc những việc đã tổ chức thi hành xong một phần quyền, nghĩa vụ, nhưng phần còn lại đã ủy thác (phần ủy thác này cơ quan Thi hành án dân sự nhận ủy thác ra quyết định thi hành án nên cơ quan Thi hành án dân sự nhận ủy thác thống kê là việc thụ lý mới) hoặc giảm thi hành án hoặc đình chỉ thi hành án và đã xóa sổ thụ lý thi hành án.

Trường hợp đối với những việc đã thu được tiền, tài sản, cơ quan Thi hành án dân sự đã báo gọi nhưng người được nhận chưa đến nhận nên đã lập phiếu chi và gửi cho họ qua đường bưu điện theo quy định của pháp luật hoặc chưa xác định được địa chỉ của người nhận và cơ quan Thi hành án dân sự đã gửi tiền vào ngân hàng, lập sổ theo dõi riêng hoặc đã giao cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật thì tính là việc thi hành xong.

11. Tiền thi hành xong

Tiền thi hành xong là số tiền (bao gồm tiền và tài sản được quy đổi thành tiền) Chấp hành viên đã thu được (đã thu, nộp ngân sách và chi trả cho người được thi hành án theo nội dung quyết định thi hành án), đã được đình chỉ thi hành án hoặc được giảm thi hành án.

Trường hợp đối với những khoản tiền, tài sản đã thu được, cơ quan Thi hành án dân sự đã thông báo nhưng người được nhận chưa đến nhận nên đã lập phiếu chi và gửi cho họ qua đường bưu điện theo quy định của pháp luật hoặc chưa xác định được địa chỉ của người nhận và cơ quan Thi hành án dân sự đã gửi tiền vào ngân hàng, lập sổ theo dõi riêng hoặc đã giao cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật thì tính là tiền thi hành xong.

12. Việc trường hợp khác là việc đang trong thời gian tự nguyện thi hành án, việc đang chờ ý kiến chỉ đạo nghiệp vụ của cơ quan có thẩm quyền và việc đang chờ ý kiến của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự.

13. Việc đang thi hành là số việc có điều kiện thi hành và đang tổ chức thi hành án.

14. Đối với thống kê về tiền: Tiền có điều kiện thi hành, tiền chưa có điều kiện thi hành, tiền trường hợp khác, tiền đang thi hành là số tiền tương ứng với từng loại việc thi hành án đó.

II. GHI CHÉP

1. Biểu mẫu số 01/TK-THA

1.1. Nội dung

Phản ánh kết quả thi hành án về việc thuộc diện chủ động thi hành án dân sự trong kỳ báo cáo của Chấp hành viên, của Chi cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự và của từng đơn vị cấp tỉnh.

1.2. Tổ chức, cá nhân thực hiện biểu mẫu

Biểu này được sử dụng cho Chấp hành viên, Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

1.3. Ghi chép và nguồn số liệu

a) Đối với các biểu mẫu do Chấp hành viên lập

Biểu mẫu do Chấp hành viên lập số liệu được tổng hợp từ các loại sổ sách về thi hành án và các tài liệu trong hồ sơ thi hành án như: quyết định thi hành án và các loại quyết định khác về thi hành án; các loại biên bản... và các tài liệu khác trong hồ sơ thi hành án.

b) Đối với biểu mẫu do Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự lập

Biểu mẫu do Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự lập số liệu tổng hợp từ các báo cáo của Chấp hành viên thuộc đơn vị mình.

Biểu mẫu do Cục Thi hành án dân sự lập để báo cáo kết quả thi hành án của toàn tỉnh được tổng hợp từ biểu mẫu của Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

c) Ghi chép

Đối với việc ủy thác thi hành án, chỉ thống kê đối với việc đã ra quyết định ủy thác thi hành án toàn bộ nội dung quyết định thi hành án và không thuộc trường hợp thi hành xong.

Chỉ tiêu số việc Cục Thi hành án dân sự rút lên thi hành chỉ dùng cho Chi cục Thi hành án dân sự báo cáo (Cục Thi hành án dân sự không thống kê cột này vì đã thống kê vào sổ thụ lý mới, mặc dù Cục Thi hành án dân sự không ra quyết định thi hành án).

• Cách tính trang 1

Theo cột: Cột số 1 = Cột 2 + Cột 3 + Cột 6 + Cột 7 + Cột 8 + Cột 9 + Cột 10 + Cột 11 + Cột 12. Trong đó, Cột 3 = Cột 4 + Cột 5.

Theo dòng: Tổng số thụ lý = Số năm trước chuyển sang + Số thụ lý mới.

Tổng số phải thi hành = Số có điều kiện thi hành + Số chưa có điều kiện thi hành.

Số có điều kiện thi hành = Số thi hành xong + Số đình chỉ thi hành án + Số đang thi hành + Số hoãn thi hành án + Số tạm đình chỉ thi hành án + Số tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại + Số trường hợp khác.

- Cách tính trang 2

Trên cơ sở số liệu hoãn thi hành án, tạm đình chỉ thi hành án, trường hợp khác, đình chỉ thi hành án, chưa có điều kiện thi hành tại trang 1, phân tích làm rõ theo những căn cứ được Luật Thi hành án dân sự quy định. Cụ thể:

- Số hoãn thi hành án (Điều 48) = Số hoãn theo điểm a khoản 1 + Số hoãn theo điểm b khoản 1 + Số hoãn theo điểm d khoản 1 + Số hoãn theo điểm đ khoản 1 + Số hoãn theo điểm e khoản 1 + Số hoãn theo điểm g khoản 1.

- Cách phân tích số liệu tạm đình chỉ thi hành án, trường hợp khác, đình chỉ thi hành án, chưa có điều kiện thi hành thực hiện tương tự như phân tích số liệu hoãn thi hành án.

2. Biểu mẫu số 02/TK-THA

2.1. Nội dung

Phản ánh kết quả thi hành án về việc thuộc diện thi hành án theo đơn yêu cầu của đương sự trong kỳ báo cáo của Chấp hành viên, của Chi cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự và của từng tỉnh.

2.2. Tổ chức, cá nhân sử dụng biểu mẫu

Biểu này được sử dụng cho Chấp hành viên, Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

2.3. Ghi chép và nguồn số liệu

Việc ghi chép, tổng hợp số liệu được thực hiện tương tự Biểu mẫu số: 01/TK-THA.

- Cách tính trang 1

Theo cột: Cột số 1 = Cột 2 + Cột 3 + Cột 6 + Cột 7 + Cột 8 + Cột 9 + Cột 10 + Cột 11 + Cột 12 + Cột 13. Trong đó, Cột 3 = Cột 4 + Cột 5.

Theo dòng: Tổng số thụ lý = Số năm trước chuyển sang + Số thụ lý mới.

Tổng số phải thi hành = Số có điều kiện thi hành + Số chưa có điều kiện thi hành.

Số có điều kiện thi hành = Số thi hành xong + Số đình chỉ thi hành án + Số đang thi hành + Số hoãn thi hành án + Số tạm đình chỉ thi hành án + Số tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại + Số trường hợp khác.

- Cách tính trang 2

Trên cơ sở số liệu hoãn thi hành án, tạm đình chỉ thi hành án, trường hợp khác, đình chỉ thi hành án, chưa có điều kiện thi hành tại trang 1, phân tích làm rõ theo những căn cứ được Luật Thi hành án dân sự quy định. Cụ thể:

- Số hoãn thi hành án = Số hoãn theo điểm a khoản 1 + Số hoãn theo điểm b khoản 1 + Số hoãn theo điểm c khoản 1 + Số hoãn theo điểm d khoản 1 + Số hoãn theo điểm đ khoản 1 + Số hoãn theo điểm e khoản 1 + Số hoãn theo điểm g khoản 1 + Số hoãn theo điểm h khoản 1.

Các số liệu tạm đình chỉ thi hành án, trường hợp khác, đình chỉ thi hành án, chưa có điều kiện thi hành cách tính tương tự như phân tích số liệu hoãn thi hành án.

3. Biểu mẫu số 03/TK-THA

3.1. Nội dung

Phản ánh kết quả thi hành án về tiền thuộc diện chủ động thi hành án dân sự trong kỳ báo cáo của Chấp hành viên, của Chi cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự và của từng đơn vị cấp tỉnh.

3.2. Tổ chức, cá nhân sử dụng biểu mẫu

Biểu này được sử dụng cho Chấp hành viên, Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

3.3. Ghi chép và nguồn số liệu

Việc ghi chép và tổng hợp số liệu được thực hiện tương tự Biểu mẫu số: 01/TK-THA. Riêng: Số có điều kiện thi hành = Số thi hành xong + Số đình chỉ thi hành án + Số giảm thi hành án + Số đang thi hành + Số hoãn thi hành án + Số tạm đình chỉ thi hành án + Số tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại + Số trường hợp khác.

4. Biểu mẫu số 04/TK-THA

4.1. Nội dung

Phản ánh số kết quả thi hành án về tiền thuộc diện thi hành án theo đơn yêu cầu của đương sự trong kỳ báo cáo của Chấp hành viên, của Chi cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự và của từng đơn vị cấp tỉnh.

4.2. Tổ chức, cá nhân sử dụng biểu mẫu

Biểu này được sử dụng cho Chấp hành viên, Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

4.3. Ghi chép và nguồn số liệu

Việc ghi chép và tổng hợp số liệu được thực hiện tương tự Biểu mẫu số 02/TK-THA.

5. Biểu mẫu số 05/TK-THA

5.1. Nội dung

Phản ánh kết quả thi hành các khoản thu về tiền cho Ngân sách nhà nước, cho cơ quan, tổ chức và cá nhân trong từng kỳ báo cáo của Chấp hành viên, của Chi cục Thi hành án dân sự, của Cục Thi hành án dân sự và của từng đơn vị cấp tỉnh.

5.2. Tổ chức, cá nhân sử dụng

Biểu này được sử dụng cho Chấp hành viên, Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

5.3. Ghi chép và nguồn số liệu

Việc ghi chép và tổng hợp số liệu được thực hiện tương tự Biểu mẫu số 03/TK-THA.

Riêng, cách tính theo cột: Cột 1 = Cột 2 + Cột 9 + Cột 10. Trong đó Cột 2 = Cột 3 + Cột 4 + Cột 5 + Cột 6 + Cột 7 + Cột 8.

6. Biểu mẫu số 06/TK-THA

6.1. Nội dung

Phản ánh kết quả thi hành án về việc theo Chấp hành viên, Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự trong các kỳ báo cáo.

6.2. Tổ chức, cá nhân sử dụng biểu mẫu

Biểu mẫu này được dùng cho Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

6.3. Ghi chép và nguồn số liệu

a) Đối với Chi cục thi hành án dân sự

Số liệu được tổng hợp từ Biểu mẫu thống kê kết quả thi hành án dân sự về việc của Chấp hành viên thuộc Chi cục Thi hành án dân sự. Trình tự ghi được thực hiện theo từng Chấp hành viên tại cột tên Chấp hành viên.

b) Đối với Cục Thi hành án dân sự

Biểu mẫu của Cục Thi hành án dân sự số liệu được tổng hợp từ Biểu mẫu thống kê kết quả thi hành án dân sự về việc của Chấp hành viên thuộc Cục Thi hành án dân sự. Trình tự ghi được thực hiện theo từng Chấp hành viên tại cột tên Chấp hành viên.

Biểu mẫu của toàn tỉnh số liệu được tổng hợp từ Biểu mẫu thống kê kết quả về việc của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự. Trình tự ghi được thực hiện theo từng đơn vị thi hành án và chấp hành viên, bắt đầu từ Cục Thi hành án dân sự, lần lượt cho đến hết.

c) Ghi chép

Việc ghi chép và tổng hợp số liệu được thực hiện tương tự Biểu mẫu số: 01/TK-THA. Riêng: Cách tính theo cột:

Cột 1 = Cột 2 + Cột 3.

Cột 6 = Cột 7 + Cột 15.

Cột 7 = Cột 8 + Cột 9 + Cột 10 + Cột 11 + Cột 12 + Cột 13 + Cột 14.

Cách tính theo dòng:

Tổng số việc = Việc Cục Thi hành án dân sự + Việc các Chi cục Thi hành án dân sự.

Việc Cục Thi hành án dân sự = Việc của Chấp hành viên A + Việc của Chấp hành viên B +....

Việc các Chi Cục Thi hành án dân sự = Việc của Chi cục A + Việc của Chi cục B +....

Việc Chi cục Thi hành án dân sự = Việc của Chấp hành viên A + Việc của Chấp hành viên B +....

7. Biểu mẫu số 07/TK-THA

7.1. Nội dung

Phản ánh kết quả thi hành án về tiền theo Chấp hành viên, Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự trong các kỳ báo cáo.

7.2. Tổ chức, cá nhân sử dụng biểu mẫu

Biểu mẫu này được dùng cho Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

7.3. Ghi chép và nguồn số liệu

Việc ghi chép và tổng hợp số liệu được thực hiện tương tự Biểu mẫu số: 06/TK-THA. Riêng: Cách tính theo cột:

Cột 1 = Cột 2 + Cột 3.

Cột 6 = Cột 7 + Cột 16.

Cột 7 = Cột 8 + Cột 9 + Cột 10 + Cột 11 + Cột 12 + Cột 13 + Cột 14 + Cột 15.

Cách tính tỷ lệ thi hành xong như Biểu mẫu số: 03-TK/THA.

8. Biểu mẫu số 08/TK-THA

8.1. Nội dung

Phản ánh việc đề nghị xét miễn, giảm và kết quả việc xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án dân sự của Chi cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự và từng địa phương trong các kỳ báo cáo.

8.2. Tổ chức, cá nhân sử dụng

Biểu này được dùng cho Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

8.3. Ghi chép và nguồn số liệu

a) Đối với Chi cục Thi hành án dân sự

Số liệu được tổng hợp từ hồ sơ thi hành án của Chấp hành viên thuộc Chi cục Thi hành án dân sự và các loại sổ có liên quan. Số liệu ghi số tổng hợp chung của toàn đơn vị, không ghi chép theo từng Chấp hành viên.

b) Đối với Cục Thi hành án dân sự

Số liệu được tổng hợp từ hồ sơ thi hành án của Chấp hành viên Cục Thi hành án dân sự và các loại sổ có liên quan. Số liệu ghi số tổng hợp chung của toàn đơn vị, không ghi chép theo từng Chấp hành viên.

Đối với Biểu mẫu của toàn tỉnh số liệu được tổng hợp từ Biểu mẫu của Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

c) Ghi chép

Trình tự ghi chép được thực hiện lần lượt theo từng đơn vị, bắt đầu từ Cục Thi hành án dân sự đến các Chi cục Thi hành án dân sự.

Đối với Chi cục Thi hành án dân sự chỉ ghi số chung của Chi cục mà không phải tổng hợp theo từng Chấp hành viên.

Cột 1 = Cột 5 + Cột 9; Cột 2 = Cột 6 + Cột 10; Cột 3 = Cột 7 + Cột 11; Cột 4 = Cột 8 + Cột 12.

9. Biểu mẫu số 09/TK-THA

9.1. Nội dung

Phản ánh số lượng bản án, quyết định của Tòa án tuyên không rõ, có sai sót; bản án, quyết định có căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm; số lượng văn bản đề nghị giải thích, đính chính, kiến nghị xem xét bản án, quyết định của cơ quan Thi hành án và việc trả lời của Tòa án có thẩm quyền.

9.2. Tổ chức, cá nhân sử dụng biểu mẫu

Biểu này được dùng cho Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

9.3. Ghi chép và nguồn số liệu

Số liệu được tổng hợp từ hồ sơ thi hành án của Chấp hành viên và các loại sổ có liên quan.

Việc ghi chép được thực hiện tương tự Biểu mẫu số 08/TK-THA. Riêng việc tính toán, Cột 1 = Cột 2 + Cột 3 + Cột 4; Cột 5 = Cột 6 = Cột 7 + Cột 8; Cột 9 = Cột 10 + Cột 11; Cột 12 = Cột 13 + Cột 14.

10. Biểu mẫu số 10/TK-THA

10.1. Nội dung

Phản ánh tình hình cưỡng chế thi hành án dân sự không huy động lực lượng và có huy động lực lượng tại các Chi cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự trong các kỳ báo cáo.

10.2. Tổ chức, cá nhân sử dụng biểu mẫu

Biểu mẫu này dùng cho Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

10.3. Ghi chép và nguồn số liệu

Số liệu được tổng hợp từ Hồ sơ thi hành án của Chấp hành viên và các loại sổ có liên quan.

Việc ghi chép được thực hiện tương tự Biểu mẫu số 08/TK-THA. Riêng việc tính toán: Cột 1 = Cột 2 + Cột 3 = Cột 8 + Cột 9 + Cột 10; Cột 3 = Cột 4 + Cột 5 + Cột 6 + Cột 7.

11. Biểu số 11/TK-THA

11.1. Nội dung

Phản ánh tình hình khiếu nại và giải quyết khiếu nại về thi hành án dân sự trong các kỳ báo cáo của Chi cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự.

11.2. Tổ chức, cá nhân sử dụng biểu mẫu

Biểu mẫu này dùng cho Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

11.3. Ghi chép và nguồn số liệu

Số liệu được lấy từ hồ sơ thi hành án, hồ sơ giải quyết khiếu nại, các sổ có liên quan đến việc giải quyết khiếu nại của Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

Việc ghi chép, thực hiện tương tự Biểu mẫu số 08/TK-THA. Riêng việc tính toán: Cột 1 = Cột 2 + Cột 3; Cột 4 = Cột 5 + Cột 6 = Cột 7 + Cột 10; Cột 14 = Cột 15 + Cột 16 + Cột 17 + Cột 18 + Cột 19.

12. Biểu mẫu số 12/TK-THA

12.1. Nội dung

Phản ánh tình hình tố cáo và giải quyết tố cáo về thi hành án dân sự trong các kỳ báo cáo của Chi cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự.

12.2. Tổ chức, cá nhân sử dụng biểu mẫu

Biểu mẫu này dùng cho Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

12.3. Ghi chép và nguồn số liệu

Số liệu được lấy từ hồ sơ thi hành án, hồ sơ giải quyết tố cáo, các sổ liên quan đến việc giải quyết tố cáo của Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

Việc ghi chép, thực hiện tương tự Biểu mẫu số 08/TK-THA. Riêng việc tính toán: Cột 1 = Cột 2 + Cột 3; Cột 4 = Cột 5 + Cột 6; Cột 7 = Cột 8 + Cột 9; Cột 10 = Cột 11 + Cột 12 + Cột 13; Cột 14 = Cột 15 + Cột 16 + Cột 17 + Cột 18 + Cột 19.

13. Biểu mẫu số 13/TK-THA

13.1. Nội dung

Phản ánh số lượng biên chế, tình hình thực hiện biên chế; cơ cấu công chức theo ngạch, bậc đang làm việc tại cơ quan Thi hành án dân sự trong các kỳ báo cáo.

13.2. Tổ chức, cá nhân sử dụng biểu mẫu

Biểu này dùng cho Cục Thi hành án dân sự.

13.3. Ghi chép và nguồn số liệu

Số liệu được lấy từ sổ, hồ sơ về cán bộ, công chức tại Cục Thi hành án dân sự, Chi cục Thi hành án dân sự. Trình tự ghi chép được thực hiện lần lượt, bắt đầu từ Cục Thi hành án dân sự đến Chi cục Thi hành án dân sự.

Cột 1 = Cột 2 + Cột 18; Cột 2 = Cột 3 + Cột 4 + Cột 5 + Cột 6 + Cột 7 + Cột 8 + Cột 9 + Cột 10 + Cột 11 + Cột 12 + Cột 13 + Cột 14 + Cột 15 + Cột 16 + Cột 17.

14. Biểu mẫu số 14/TK-THA

14.1. Nội dung

Phản ánh trình độ công chức của cơ quan Thi hành án dân sự tại các kỳ báo cáo theo trình độ chuyên môn, nghề nghiệp được đào tạo.

14.2. Tổ chức, cá nhân sử dụng biểu mẫu

Biểu mẫu này dùng cho Cục Thi hành án dân sự.

14.3. Ghi chép và nguồn số liệu

Số liệu được lấy từ sổ, hồ sơ về cán bộ, công chức tại Cục Thi hành án dân sự, Chi cục Thi hành án dân sự. Trình tự ghi chép được thực hiện lần lượt, bắt đầu từ Cục Thi hành án dân sự đến Chi cục Thi hành án dân sự.

Cột 1 = Cột 2 + Cột 3 + Cột 4 + Cột 5 + Cột 6 + Cột 7 + Cột 8.

15. Biểu mẫu số 15/TK-THA

15.1. Nội dung

Phản ánh tình hình giám sát hoạt động thi hành án dân sự của các cơ quan có thẩm quyền và kết quả thực hiện kết luận giám sát trong thi hành án dân sự tại các kỳ báo cáo.

15.2. Tổ chức, cá nhân sử dụng biểu mẫu

Biểu mẫu này dùng cho Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

15.3. Ghi chép và nguồn số liệu

a) Đối với Chi cục Thi hành án dân sự, số liệu được tổng hợp từ các tài liệu liên quan đến giám sát hoạt động thi hành án dân sự của các cơ quan có

thẩm quyền trong kỳ báo cáo đối với Chi cục Thi hành án dân sự. Việc ghi chép thực hiện theo số chung cho toàn đơn vị, không ghi theo từng Chấp hành viên.

b) Đối với Cục Thi hành án dân sự, số liệu trong Biểu mẫu của Cục Thi hành án dân sự được tổng hợp từ các tài liệu liên quan đến giám sát hoạt động thi hành án dân sự của các cơ quan có thẩm quyền trong kỳ báo cáo đối với Cục Thi hành án dân sự. Việc ghi chép theo số chung cho toàn đơn vị, không ghi theo từng Chấp hành viên.

Số liệu của toàn tỉnh được tổng hợp từ báo cáo của Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

c) Ghi chép

Việc ghi chép được thực hiện lần lượt, bắt đầu từ Cục Thi hành án dân sự, đến các Chi cục Thi hành án dân sự. Đối với các Chi cục Thi hành án dân sự chỉ ghi số chung của Chi cục mà không tổng hợp theo từng Chấp hành viên.

Cột 1 = Cột 2 + Cột 3 + Cột 4 + Cột 5 = Cột 6 + Cột 7 = Cột 8 + Cột 9 + Cột 10.

16. Biểu số 16/TK-THA

16.1. Nội dung

Phản ánh tình hình kiểm sát hoạt động thi hành án dân sự của các cơ quan có thẩm quyền trong thi hành án dân sự tại các kỳ báo cáo.

16.2. Tổ chức, cá nhân sử dụng số liệu

Biểu này dùng Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

16.3. Ghi chép và nguồn số liệu

Số liệu được tổng hợp từ các tài liệu có liên quan đến kiểm sát hoạt động thi hành án dân sự.

Việc ghi chép được thực hiện tương tự Biểu mẫu số 15/TK-THA.

Cột 1 = Cột 2 + Cột 3 + Cột 4; Cột 5 = Cột 6 + Cột 7 + Cột 8 + Cột 9 + Cột 10 + Cột 11.

17. Biểu số 17/TK-THA

17.1. Nội dung

Phản ánh tình hình kháng nghị và xử lý kháng nghị của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật.

17.2. Tổ chức, cá nhân sử dụng biểu mẫu

Biểu mẫu này dùng cho Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

17.3. Ghi chép và nguồn số liệu

Số liệu được tổng hợp từ hồ sơ thi hành án, các loại sổ có liên quan.

Việc ghi chép thực hiện tương tự Biểu mẫu số 15/TK-THA.

Cột 1 = Cột 3 + Cột 11; Cột 2 = Cột 4 + Cột 12.

18. Biểu mẫu số 18/TK-THA

18.1. Nội dung

Phản ánh tình hình thực hiện bồi thường nhà nước trong thi hành án dân sự tại mỗi kỳ báo cáo.

18.2. Tổ chức, cá nhân sử dụng biểu mẫu

Biểu mẫu này dùng cho Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

18.3. Ghi chép và nguồn số liệu

Số liệu được lấy từ hồ sơ thi hành án, hồ sơ bồi thường nhà nước trong thi hành án dân sự, sổ theo dõi về bồi thường nhà nước trong thi hành án dân sự.

Việc ghi chép được thực hiện tương tự Biểu mẫu số 15/TK-THA.

Cột 1 = Cột 3 + Cột 5 = Cột 7 + Cột 9; Cột 2 = Cột 4 + Cột 6 = Cột 8 + Cột 10.

19. Biểu số 19/TK-THA

19.1. Nội dung

Phản ánh tình hình đơn đốc việc thi hành các bản án, quyết định hành chính đối với các cơ quan có thẩm quyền thi hành bản án, quyết định hành chính trong mỗi kỳ báo cáo.

19.2. Tổ chức, cá nhân sử dụng biểu mẫu

Biểu mẫu này dùng cho Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

19.3. Ghi chép và nguồn số liệu

Số liệu được tổng hợp từ sổ sách theo dõi việc đơn đốc thi hành án hành chính.

Việc ghi chép thực hiện tương tự Biểu mẫu số 15/TK-THA.

Cột 1 = Cột 2 + Cột 3; Cột 4 = Cột 5 + Cột 6.

Phần 2

CÁCH TÍNH MỘT SỐ CHỈ TIÊU

1. Chỉ tiêu tính: (Việc thi hành xong)/(Số có điều kiện thi hành)

$$\text{Tỷ lệ \% thi hành xong} = \frac{\text{Số thi hành xong} + \text{Số đình chỉ thi hành án}}{\text{Số có điều kiện thi hành}} \times 100\%$$

2. Chỉ tiêu tính: (Tiền thi hành xong)/(Số có điều kiện thi hành)

$$\text{Tỷ lệ \% thi hành xong} = \frac{\text{Số thi hành xong} + \text{Số đình chỉ thi hành án} + \text{Số giảm thi hành án}}{\text{Số có điều kiện thi hành}} \times 100\%$$

3. Chỉ tiêu giảm số việc, tiền chuyển kỳ sau

$$\text{Tỷ lệ \% giảm} = \frac{\text{Số chuyển kỳ sau của năm hiện tại} - \text{Số chuyển kỳ sau của năm trước liền kề}}{\text{Số chuyển kỳ sau của năm trước liền kề}} \times 100\%$$

Trường hợp số dương (+) là tăng tồn, trường hợp số âm (-) là giảm tồn.
Chú ý, số chuyển kỳ sau trong báo cáo của năm trước bao giờ cũng phải trùng khớp với số năm cũ chuyển sang trong báo cáo của năm hiện tại./.